TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09/02/2018
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Thơ
+ Bà Trần Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.
Địa chỉ : Thôn T, xã T, huyện D, tỉnh H. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1985.
Địa chỉ : Xóm 10, thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh H.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đỗ Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2007 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ chơi bời dẫn đến nợ nần, không quan tâm đến cuộc sống vợ con. Khi chị khuyên nhủ thì anh Đ không nghe mà còn chửi, đánh chị. Tháng 9/2015, chị không chịu đựng được cuộc sống nặng nề nên chị đã cho con về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn T, xã T, huyện D, tỉnh H ở từ đó cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn với anh Đ.

Anh Đỗ Văn Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ có một con chung tên cháu là Đỗ Thị Ánh T, sinh ngày 11/3/2009, hiện nay cháu T đang ở với chị T. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu T, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Chị Nguyễn Thị T trình bầy không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và không thay đổi bổ sung gì khác. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Ánh T, sinh ngày 11/3/2009 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Đ không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T. Về án phí ly hôn: Chị T phải chịu 300.000đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Đỗ Văn Đ là bị đơn; địa chỉ: X 10, thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Đỗ Văn Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 14/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh H. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị Tvà anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ nợ nần và trong cuộc sống không có trách nhiệm với vợ con. Khi chị T khuyên nhủ anh Đ không nghe mà còn chửi, đánh chị. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên tháng 9/2015 chị Tcùng con gái về nhà bố mẹ đẻ chị T ở thôn T, xã T, huyện D, tỉnh H ở từ đó cho đến nay. Theo các tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương và lời thừa nhận của chị T thì vợ chồng sống mỗi người một nơi đã nhiều năm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T ly hôn anh Đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh Đ có một con chung là cháu Đỗ Thị Ánh T, sinh ngày 11/3/2009, hiện nay cháu T đang ở với chị Tđược chị T nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Để không xáo trộn cuộc sống của cháu T cũng như ý kiến của cháu được ở với mẹ và nguyện vọng của chị T xin được tiếp tục nuôi con được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Đ không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T phù hợp với quy định tại Điều 81 ; Điều 82 ; và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng : Không có

[3] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Ttrình bầy không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57 Điều 81 ; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ.

2. Con chung: Giao cháu Đỗ Thị Ánh T, sinh ngày 11/3/2009 cho chị Ttrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tuyết đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Đ không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Tâm

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001211ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị T đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn Ba Sao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt